TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14/4/2022
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Tấn Lãnh và bà Trần Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạy - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh tham gia phiên tòa:*** Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2021/TLST-HNGĐ, ngày 19/8/2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2022 của TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968;
- *Bị đơn:* Ông Đàm Văn B (Đàm Ngọc B, Đàm B), sinh năm 1966;

Cùng địa chỉ: Buôn Nh, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Bà L và ông B đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 09/8/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị L (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và ông Đàm Văn B (viết tắt là bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 1985 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T, tỉnh Phú Khánh (cũ). Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, chịu khó làm ăn tích góp được một số tài sản. Tuy nhiên, về sau bị đơn sa đà vào cờ bạc, rượu chè, ngoại tình, thường xuyên chửi bới đánh đập vợ, con. Vì thương con nên nguyên đơn nhẫn nhịn chịu đựng, khuyên răn nhưng bị đơn không nghe, liên tục bán tài sản, đất đai, nhà cửa để đánh bạc. Nguyên đơn không còn chỗ ở, khi con trai lập gia đình làm lụng tích góp mua đất làm nhà thì mới có chỗ ở.

Tuy nhiên, bị đơn vẫn tiếp tục thường xuyên gây sự, chửi bới, đánh đập, thóa mạ nguyên đơn và các con**.** Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Có 03 con chung: Đàm Ngọc B1, sinh năm 1986, Đàm Ngọc B2, sinh năm 1992 và Đàm Ngọc B3, sinh năm 1995. Các con đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn không đồng ý ly hôn. Vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Nguyên nhân là do nguyên đơn nghe theo con trai xúi giục bán nhà, bản thân bị đơn không đồng ý nên nguyên đơn xin ly hôn.

Về con chung: Gồm có Đàm Ngọc B1, sinh năm 1986, Đàm Ngọc B2, sinh năm 1992 và Đàm Ngọc B3, sinh năm 1995 đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản trong vụ án này mà sẽ khởi kiện một vụ án khác nếu có tranh chấp.

TAND huyện Sông Hinh tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất đoàn tụ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, con chung, tài sản chung; bị đơn không đồng ý ly hôn.

Đại diện VKSND huyện Sông Hinh phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Buôn Nh, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên, theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn vào

năm 1985 tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T, tỉnh Phú Khánh (cũ) theo Giấy công nhận kết hôn số 18 ngày 29/12/1985 nên xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau bị đơn thường xuyên đi đánh cờ bạc, rượu chè, trai gái rồi về nhà đánh, đập vợ, con nên không thể tiếp tục chịu đựng, mong Tòa giải quyết cho ly hôn. Tại bản tự khai ngày 27/8/2021 của anh Đàm Ngọc B1, Đàm Ngọc B2 và chị Lê Thị Hồng Th là con sống chung nhà với vợ chồng đều xác nhận bị đơn thường xuyên đánh cờ bạc, rượu chè, trai gái rồi về nhà gây chuyện với vợ, con. Ngoài ra, theo biên bản xác minh ngày 24/02/2022 địa phương cũng xác nhận gia đình của nguyên đơn thường đến báo chính quyền địa phương về việc bị đơn thường xuyên đánh cờ bạc rồi về nhà kiếm chuyện, gây gỗ với vợ, con. Xét thấy các thành viên trong gia đình và chính quyền địa phương đều xác nhận bị đơn thường xuyên đi đánh cờ bạc về gây gỗ với vợ, con. Những hành động của bị đơn đã làm cho cuộc sống gia đình bị xáo trộn, ảnh hưởng đến cuộc sống hạnh phúc của nguyên đơn và các thành viên trong gia đình làm cho cuộc sống hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 03 con chung: Đàm Ngọc B1, sinh năm 1986, Đàm Ngọc B2, sinh năm 1992 và Đàm Ngọc B3, sinh năm 1995. Các con đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L ly hôn bị đơn ông Đàm Văn B (Đàm Ngọc B, Đàm B).

2. Về con chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0005840 ngày 19/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

BÀN THỊ TIÊN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

NGUYỄN THỊ ÁI LIÊN

HUỲNH THỊ THU SƯƠNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

BÙI CHÂU KHA